

Số: 58 /FOMECO

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
- Trụ sở chính : Tổ dân phố Bông Hồng, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : 02083863694 Fax: 02083863118
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Mã chứng khoán : FBC
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Duy Đức – Người được ủy quyền công bố thông tin
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2025

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên trân trọng công bố thông tin trên để quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28 tháng 03 năm 2026 tại đường dẫn: <http://fomeco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT;
- Đăng website Công ty.

Người được ủy quyền công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đàm Duy Đức
Đàm Duy Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: TDP Bông Hồng, Phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (+84 2083) 863 694 Fax: (+84 2083) 863 118

Email: www.fomeco.vn

Email: Info@fomeco.vn

Số: 12/BC-FOMEKO

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 23/7/2025;
Vốn điều lệ	: 37.000.000.000 đồng;
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 37.000.000.000 đồng;
Địa chỉ	: Tổ dân phố Bông Hồng - phường Phổ Yên – tỉnh Thái Nguyên;
Số điện thoại	: (+84) 2083 863694;
Số Fax	: (+84) 2083 863118;
Website	: http://www.fomeco.vn ;
Email	: Info@fomeco.vn ;
Mã cổ phiếu	: FBC.
Sàn giao dịch	: UPCOM

Quá trình hình thành và phát triển:

Năm 1974: Công ty được thành lập ngày 19/10/1974 theo Quyết định số 570/CL-CB1 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim với tên gọi là “Nhà máy Cơ khí Phổ Yên”.

Năm 1993: Ngày 22/5/1993, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ban hành Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Phổ Yên.

Năm 2002: Ngày 25/3/2002, Nhà máy được đổi tên thành “Công ty Cơ khí Phổ Yên” theo Quyết định số 13/2002/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Năm 2003: Ngày 12/12/2003, Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên” theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương)

Năm 2017: Ngày 20/10/2017, cổ phiếu của FOMEKO được niêm yết lần đầu trên sàn Upcom với mã cổ phiếu FBC.

Trải qua 50 năm hoạt động, với bề dày kinh nghiệm và thành tựu, Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên đã tham gia cung cấp thiết bị, phụ tùng ô tô, xe máy, máy công trình và các sản phẩm cơ khí khác cho rất nhiều khách hàng trên lãnh thổ Việt Nam và các nước trên thế giới. Công ty đã tạo được uy tín lớn trên thị trường với các sản phẩm chất lượng cao và giá thành hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường, Công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, có tính tự động hóa cao. Với năng lực hàng nghìn thiết bị sản xuất, trong đó có trên 50% là các thiết bị có chương trình điều khiển kỹ thuật số, FOMEKO tự tin có thể đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe nhất về chất lượng từ khách hàng. Hướng về chặng đường phát triển trong tương lai, FOMEKO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

*** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:**

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

*** Sản phẩm chính của Công ty bao gồm:** Các loại vòng bi, phụ tùng xe gắn máy, phụ tùng ô tô, các chi tiết cơ khí nói chung, con lăn, băng tải, phụ tùng cho ngành xây dựng.

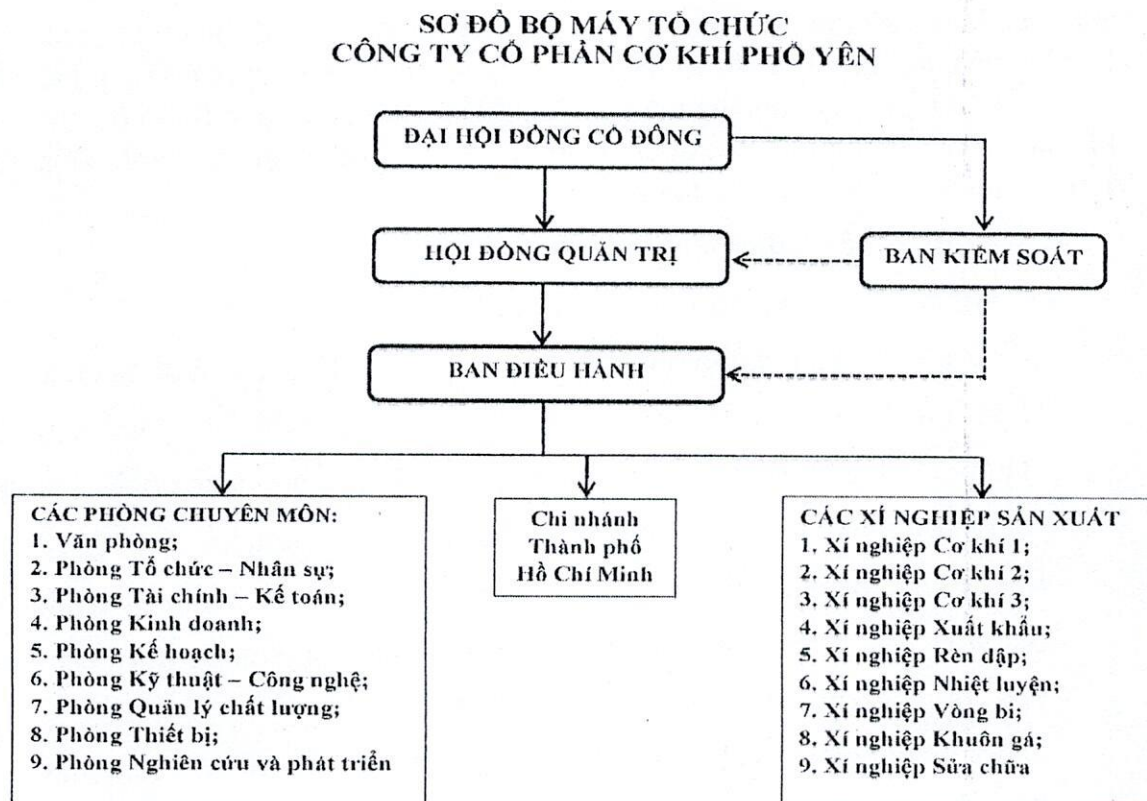
*** Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bao gồm:**

- Các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại Việt Nam (FDI);
- Thị trường nội địa Việt Nam;
- Thị trường xuất khẩu.

*** Các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty gồm:** HONDA, YAMAHA, HILEX, HANWA, JOTO, TECHNO, SUZUKI, STANLEY, NIPPO, FAG.....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



3.2. Chức năng, nhiệm vụ

a) Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

b) Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

c) Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

d) Ban Giám đốc

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực được phân công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

đ) Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động tài chính kế toán của Công ty, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác, chế độ tài chính của Công ty.

e) Các phòng chức năng

- **Văn Phòng:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về quản lý, quản trị trong các hoạt động thường xuyên của Công ty bao gồm: Công tác đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với quy định pháp luật của các văn bản pháp lý nội bộ, các hợp đồng, thỏa thuận của Công ty; giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết tranh chấp; phổ biến giáo dục pháp luật; công tác quan hệ cổ đông; công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người và tài sản của Công ty; công tác quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ; quản lý công nghệ thông tin.

- **Phòng Tổ chức – Nhân sự:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về quản lý, quản trị trong các lĩnh vực bao gồm: Công tác tổ chức bộ máy; công tác quản lý nhân sự; tuyển dụng và đào tạo; công tác lao động, tiền lương; bảo hiểm và các chế độ chính sách khác liên quan đến người lao động; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; công tác y tế chăm lo sức khỏe cho người lao động; công tác phòng, chống dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm trong Công ty.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về công tác quản lý, quản trị trong các lĩnh vực: tài chính, quản lý vốn, tài sản, công nợ; công tác hạch toán kế toán, thống kê tài chính, quản lý chi phí; công tác kiểm tra, giám sát tài chính.

- **Phòng Kế hoạch:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý, quản trị các hoạt động: Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất hàng năm chi tiết theo tháng, quý, năm; theo dõi kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất đảm bảo tiến độ và hiệu quả; quản lý kho nguyên vật liệu, kho bán thành phẩm, kho phế liệu và một số khu vực khác đảm bảo hiệu quả tối ưu.

- **Phòng Kinh doanh:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý các hoạt động: Xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh; mở rộng phát triển thị trường, phát triển quan hệ khách hàng, tìm kiếm sản phẩm mới; công tác marketing, tiêu thụ sản phẩm; công tác mua vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm, hàng hoá và các nguồn lực đầu vào khác; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Phòng Kỹ thuật – Công nghệ:** Là đơn vị có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc quản lý trong các lĩnh vực: Hoạt động khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty; công tác triển khai thiết kế sản phẩm, lập quy trình công nghệ giám sát việc thực hiện quy trình đã được lập; định hướng phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới của Công ty; xây dựng định mức, định mức tiêu hao vật tư, dụng cụ, khuôn cụ, khuôn gá.

- **Phòng Quản lý chất lượng:** Là đơn vị có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc trong công tác kiểm soát, tổng hợp, phân tích, đánh giá chất lượng sản phẩm trong

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Công ty đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn theo quy định; công tác quản lý hệ thống ISO.

- **Phòng Thiết bị:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý, quản trị các hoạt động: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch đầu tư, kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định; công tác quản lý tài sản cố định (TSCĐ); quản lý về sử dụng năng lượng an toàn, hiệu quả; công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), 5S, phòng chống cháy nổ (PCCN), môi trường của Công ty theo yêu cầu của Luật an toàn vệ sinh lao động, Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật bảo vệ môi trường.

- **Phòng Nghiên cứu và Phát triển:** Là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quản lý, quản trị các hoạt động: Công tác nghiên cứu và phát triển khoa học, kỹ thuật công nghệ, định hướng phát triển sản phẩm mới mang tính chiến lược; công tác nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đã/đang sản xuất, quy trình sản xuất để tối ưu hoá về công nghệ, giảm chi phí, giảm rủi ro, nâng cao chất lượng; công tác tự động hóa.

g) Các xí nghiệp sản xuất

Sản xuất sản phẩm theo kế hoạch sản xuất của Công ty, đảm bảo quá trình sản xuất được thực hiện đúng kế hoạch, chất lượng sản phẩm phải đạt yêu cầu, hiệu quả và giảm chi phí; Quản lý nguồn lực Công ty giao (tài sản, vật tư, thiết bị, lao động...) hiệu quả.

h) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm do Công ty sản xuất và kinh doanh.

i) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu

Giữ vững và nâng cao thị phần tại các thị trường truyền thống; sản xuất đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm sản xuất các sản phẩm xuất khẩu có chất lượng và giá trị cao, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng, phát triển thương hiệu FOMECO là thương hiệu uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng FOMECO trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực gia công cơ khí, sản xuất phụ tùng xe máy, ô tô và xe động cơ khác với sản phẩm chất lượng cao, hàm lượng công nghệ vượt trội, giá cả cạnh tranh, nâng cao vị thế của Công ty với các đối tác trong nước và quốc tế.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (ESG - môi trường, xã hội và quản trị) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, đầu tư hệ thống, dây chuyền tự động hóa vào hoạt động sản xuất để tạo ra các đột phá về hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Đầu tư các nguồn lực phù hợp để áp dụng công nghệ, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm thiểu phát thải khí nhà kính và thân thiện với môi trường.
- Tăng cường đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ, có tay nghề giỏi, có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động sản xuất; chăm lo nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường minh bạch trong quản lý, đạo đức kinh doanh, quyền lợi cổ đông và tuân thủ pháp luật.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro thương mại quốc tế: Chính sách áp thuế cao của Mỹ đối với hàng hoá Trung Quốc và các nước, trong đó có Việt Nam tạo ra các rào cản thương mại có thể làm giảm thị trường xuất khẩu của FOMECO.

5.2. Rủi ro về nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của FOMECO là sắt, thép, nhôm, nhựa... được nhập khẩu từ nước ngoài và một số doanh nghiệp trong nước. Giá nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá nguyên vật liệu thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của Công ty.

5.3. Rủi ro về cạnh tranh trong chuỗi cung ứng: Trong thời gian gần đây, ngành cơ khí luôn chịu áp lực cạnh tranh cả trong và ngoài nước. FOMECO phải chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, chia sẻ sản lượng với các nhà cung cấp khác trên địa bàn và trong chuỗi cung ứng.

5.4. Rủi ro về nguồn nhân lực: Tình trạng thiếu hụt nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, việc thu hút nhân lực chất lượng cao gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trên địa bàn như Samsung, Z131, các doanh nghiệp FDI khác.

5.5. Rủi ro đặc thù: Công ty hoạt động trong sản xuất lĩnh vực công nghiệp nên có những rủi ro về tai nạn lao động, môi trường, rủi ro cháy nổ, nếu không làm tốt công tác an toàn lao động và thực hiện bảo hiểm cho người lao động thì có thể gây ra tổn thất lớn cho Công ty.

5.6. Rủi ro cạnh tranh từ tự động hóa và chuyển đổi số: Ngành cơ khí đang chịu ảnh hưởng từ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), và chuỗi cung ứng kỹ thuật số, làm giảm lợi thế của lao động giá rẻ.

5.7. Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro trên, trong quá trình hoạt động có thể xảy ra các rủi ro như thiên tai, bão lũ, dịch bệnh ... Đó là các rủi ro bất thường, khó dự đoán. Vì vậy, nếu xảy ra các rủi ro đó, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, có thể gây thiệt hại về người và tài sản của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Các chỉ tiêu chính (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
				(4)/(2)	(4)/(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Doanh thu BH và CCDV	1.117,1	1.010,4	1.152,0	103%	114%
2. Doanh thu tài chính	8,6	4,0	5,8	67%	145%
3. Lợi nhuận trước thuế	95,2	84	100,7	105,8	119%
4. Lợi nhuận sau thuế	75,7	67,1	78,2	103%	117%

Đánh giá: Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận thực hiện 2025 đều tăng trưởng so với năm 2024 và vượt kế hoạch 2025 đề ra, lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 17% so với kế hoạch và tăng 3% so với năm 2024.

Để đạt được kết quả như trên, năm 2025, FOMEKO đã đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, phát triển sản phẩm mới ở tất cả các nhóm khách hàng FDI, Xuất Khẩu và nội địa; Công tác phát triển đại lý, hỗ trợ thị trường được thực hiện thường xuyên, liên tục. Bên cạnh đó, việc đổi mới công nghệ, đổi mới hệ thống quản lý đáp ứng các yêu cầu khắt khe của Khách hàng (Cạnh tranh – Chính xác – Nhanh chóng) cũng là yếu tố then chốt để giúp FOMEKO đạt được kết quả kinh doanh nêu trên.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Thành viên Ban điều hành gồm:

- Ông **Lê Văn Khanh**, Giám đốc;
- Ông **Đàm Duy Đức**, Phó Giám đốc;
- Ông **Nguyễn Thanh Hà**, Phó Giám đốc
- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**, Kế toán trưởng

Thông tin cụ thể như sau:

a) Ông Lê Văn Khanh – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 17/10/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2A, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 677.070 Cổ phần, trong đó:
- + Đại diện Sở hữu của VEAM : 666.000 Cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 11.070 Cổ phần
- Quá trình công tác :

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 ~12/2003	Công ty Cơ khí Phổ Yên	Kỹ thuật viên Phòng Công nghệ
2003~2004	Công ty Cơ khí Phổ Yên	Quản đốc Xưởng cơ khí 3
2004~2006	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Xí nghiệp cơ khí 3
2006 ~2010	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Xí nghiệp cơ khí 2
2010~2015	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Xí nghiệp cơ khí 2
2015~2016	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm Quản trị điều hành sản xuất
2016~7/2019	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Xí nghiệp cơ khí 1
7/2019 ~ 02/4/2025	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Công ty
02/04/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Công ty

c) Ông Đàm Duy Đức – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 09/10/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : SN11, ngõ 2, phố Triệu Thị Khoan Hòa, tổ 8 Hùng Vương, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 481.000 Cổ phần
- + Đại diện Sở hữu của VEAM : 481.000 Cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/2001 – 11/2008	Trường Trung học Công nghiệp III (Nay là trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương	- Giảng viên Khoa Điện – Tự động hóa; - Chuyên viên Phòng Đào tạo, phụ trách cơ sở Minh Trí; - Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh-Tư vấn và Giới thiệu việc làm – Trường cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên; - Bí thư đoàn trường.
12/2008 – 4/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Chuyên viên Vụ giáo dục chuyên nghiệp; - Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phó Chủ tịch Công đoàn Vụ Giáo dục chuyên nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/2015 – 11/2021	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	- Chuyên viên Văn phòng tổng hợp; - Phó Chánh Văn phòng tổng hợp; - Phó trưởng Phòng Pháp chế; - Phó Chánh Văn phòng HĐQT; - Chánh Văn phòng HĐQT.
11/2021 - nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

d) Ông Nguyễn Thanh Hà – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 03/08/1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : TDP Hoàng Thanh, phường Vạn Xuân, Tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 Cổ phần
- + Đại diện Sở hữu của VEAM : 0 Cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 - 2004	Công ty Máy XD Hòa Phát Hà Nội	Kỹ sư Phòng chất lượng
10/2004 - 6/2009	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Kỹ sư Trung tâm công nghệ thiết kế
07/2009 - 06/2012	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thiết kế
07/2012 - 02/2013	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó giám đốc Trung tâm dự án FDI
03/2013 - 04/2013	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thiết kế 2
05/2013 - 06/2014	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thiết kế
07/2014 - 06/2015	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thiết kế 1
07/2015 - 01/2020	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ cơ khí xuất khẩu
02/2020 - 03/2023	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc Trung tâm công nghệ cơ khí xuất khẩu
4/2023 - 09/05/2024	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Giám đốc/Quản đốc Xí nghiệp cơ khí 2

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/05/2024 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

đ) Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 11/4/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : TDP 12, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ : 5.000 Cổ phần
- + Đại diện Sở hữu của VEAM : 0 Cổ phần
- + Sở hữu cá nhân : 5.000 Cổ phần
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2001-11/2003	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Nhân viên kế toán
12/2003-06/2014	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Phó phòng kế toán
07/2014- Nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Kế toán trưởng

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ngày 02/4/2025, Hội đồng quản trị FOMEKO đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-HĐQT về việc thôi giữ chức Giám đốc FOMEKO đối với ông Nguyễn Đức Chung.

- Ngày 02/4/2025, Hội đồng quản trị FOMEKO đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Giám đốc FOMEKO đối với ông Lê Văn Khanh.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2025 là 922 người.

- Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong phát triển, Công ty luôn đặc biệt chú trọng tới chế độ làm việc, phúc lợi, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo trang bị mọi điều kiện tốt nhất cho người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, trang bị bảo hộ cho người lao động, tổ chức các lớp huấn luyện ATLĐ, mở các lớp đào tạo cho người lao động; công tác tuyển dụng, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ phép, tăng ca ... thực hiện đúng quy định Pháp luật, quy chế, quy định Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025 được phê duyệt gồm 01 hạng mục “Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên”. Công ty đang trong giai đoạn lập Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 và điều chỉnh Báo cáo kinh tế-kỹ thuật, do vậy, chưa triển khai thi công.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Kế hoạch đầu tư mới năm 2025 gồm 22 hạng mục. Trong năm 2025, đã hoàn thành đầu tư 10 hạng mục, các hạng mục khác đã và đang triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)/(3)
Tổng giá trị tài sản	389.871.242.874	422.630.092.008	92,2%
Doanh thu thuần	1.151.977.611.206	1.117.110.936.838	103,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	99.272.197.633	95.500.680.668	103,9%
Lợi nhuận khác	1.452.225.787	(262.184.922)	
Lợi nhuận trước thuế	100.724.423.420	95.238.495.746	105,8%
Lợi nhuận sau thuế	78.176.388.202	75.671.151.324	103,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,3%	48,9%	

Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2025:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	334.290.139.637	354.290.074.535
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	60.047.958.656	126.877.980.990
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	129.845.592.869	131.146.259.265
4. Hàng tồn kho	137.490.602.248	95.805.682.124
5. Tài sản ngắn hạn khác	6.905.985.864	460.152.156
B. Tài sản dài hạn	55.581.103.237	68.340.017.473
1. Tài sản cố định	38.604.308.252	53.530.222.913
2. Tài sản dở dang dài hạn	3.394.456.947	480.078.904
3. Đầu tư tài chính dài hạn		149.822.302

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
4. Tài sản dài hạn khác	13.582.338.038	14.179.893.354
Tổng cộng tài sản	389.871.242.874	422.630.092.008
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	271.182.730.054	306.446.816.066
1. Nợ ngắn hạn	264.322.275.599	299.247.573.723
2. Nợ dài hạn	6.860.454.455	7.199.242.343
B. Vốn chủ sở hữu	118.688.512.820	116.183.275.942
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.000.000.000	37.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	3.512.124.618	3.512.124.618
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	78.176.388.202	75.671.151.324
Tổng cộng nguồn vốn	389.871.242.874	422.630.092.008

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,26	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,86
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,73
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,3	2,6
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,0	11,4
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,8	2,6
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,8%	6,8%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	67%	57%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	19%	17%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	8,6%	8,5%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.700.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.700.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	222	3.700.000	100%
* Cá nhân	221	1.813.000	49%
* Tổ chức	1	1.887.000	51%
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
* Cá nhân	0	0	0%
* Tổ chức	0	0	0%
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	222	3.700.000	100%

Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số ĐKKD/ CMND (CCCD)	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
1	TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP	X	X	0100103866	Đăng ký lần đầu: ngày 06/10/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 01/7/2025	1.887.000	51%	
2	HOÀNG CÔNG TOÁN		X	034054010671	25/6/2021	508.480	13,743%	
3	HÀ THẾ DŨNG		X	034061014127	11/8/2021	256.480	6,932%	
4	VƯƠNG QUỐC CHÍNH		X	019085003978	11/8/2021	223.610	6,043%	

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp (thông qua việc sử dụng điện, dầu, than đá, xăng, LPG, nước thải) của FOMECO năm 2025 là: 10.510,26 tấn CO₂.

Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của FOMECO trong năm 2025: 10.498,80 tấn CO₂ (sau khi đã trừ đi nguồn hấp thụ khí CO₂ từ khoảng 991 cây xanh được trồng tại FOMECO).

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2025 là: 10.845 tấn sắt thép. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm, không có tái chế sử dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Tổng lượng điện năng tiêu thụ trong năm 2025: 14.445.910 KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Trong năm 2025 toàn Công ty đã sử dụng năng lượng điện thấp hơn năm 2024 là 2,17 %.

Cụ thể tính theo dữ liệu chuẩn đường cơ sở năng lượng của các đơn vị thì toàn Công ty tiết kiệm được 247.306 KWh điện, tương đương với 604.662 triệu đồng.

6.4. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước chính của FOMECO là của Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên và từ 05 giếng khoan tại Công ty. Trong năm 2025, tổng nguồn nước tiêu thụ là **31.810** m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động bình quân sử dụng: 970 người

- Thu nhập bình quân: 18,735 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Công ty luôn có chính sách quan tâm đến sức khỏe, an toàn cho người lao động và thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách cho người lao động theo luật định như:

- + Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và hoạt động điều dưỡng;
- + Bố trí lao động theo nghề và phù hợp với sức khỏe;
- + Quan trắc môi trường lao động. Cải thiện điều kiện, môi trường làm việc của người lao động;
- + Xây dựng các khu nghỉ giữa ca, tổ chức các chương trình văn hóa thể thao lành mạnh, bổ ích cho người lao động;
- + Bồi dưỡng giữa ca, bồi dưỡng độc hại. Chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

- Thực hiện các chế độ phúc lợi đối với CBCNV: Nghỉ mát hàng năm, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà CBCNV nhân dịp Tết Trung thu, tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân dịp tết thiếu nhi, đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

- Thực hiện đầy đủ chế độ nghỉ hàng tuần, nghỉ phép, nghỉ lễ ...theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Trong năm 2025, Công ty tổ chức 39 khóa đào tạo cho 1.392 lượt lao động (trong đó: 13 khóa đào tạo; 26 khóa đào tạo thuê ngoài).

- Các khóa đào tạo tập trung vào việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về an toàn lao động; nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên thuộc các phòng Kỹ thuật Công nghệ, Quản lý Chất lượng; đào tạo nghiệp vụ, quy trình, nâng cao tay nghề và năng lực thực hiện công việc cho người lao động; đồng thời cập nhật, trang bị kiến thức về các công nghệ mới, trong đó có đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, Công ty tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng địa phương như: ủng hộ nạn nhân chất độc da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán Ất Ty; ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; Chi tài trợ cơ sở vật chất cho trường mầm non Bãi Bông để trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, góp phần vào việc xây dựng thế hệ tương lai của đất nước và nhiều hoạt động khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, kinh tế Thế giới và Việt Nam vẫn đối với mặt với nhiều khó khăn, rủi ro và thách thức khi các xung đột, chiến tranh giữa các nước tiếp tục diễn ra, gây nên các biến động chính trị, làm giảm sức mua, tăng chi phí vận chuyển tại một số khu vực. Trong bối cảnh khó khăn chung, tập thể Ban Giám đốc FOMECO dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Các chỉ tiêu chính (Đvt: tỷ đồng)	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	So sánh (%)	
				4/2	4/3
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu BH và CCDV	1.117,1	1.010,4	1.152,0	103%	114%
2. Doanh thu tài chính	8,6	4,0	5,8	67%	145%
3. Lợi nhuận trước thuế	95,2	84	100,7	105,8	119%
4. Lợi nhuận sau thuế	75,7	67,1	78,2	103%	117%

*** Đánh giá chung:**

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 tăng so với năm 2024 và vượt kế hoạch, lợi nhuận đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2025 tăng 14% so với kế hoạch, tăng 3% so với năm 2024;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng 17% so với kế hoạch, tăng 3% so với năm 2024.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2025:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tài sản ngắn hạn	334.290.139.637
2	Tài sản dài hạn	55.581.103.237
	Tổng cộng	389.871.242.874

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2025:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	110.768.862.681
2	Trả trước cho người bán	18.336.553.800
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	740.176.388
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-
	Tổng cộng	129.845.592.869

Cơ cấu tài sản của Công ty trong những năm qua đã phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản là tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tình hình thu hồi công nợ của Công ty đạt hiệu quả cao, không có khoản nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nợ ngắn hạn	264.322.275.599
2	Nợ dài hạn	6.860.454.455
	Tổng cộng	271.182.730.054

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Phải trả người bán ngắn hạn	98.353.199.962
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.956.343.850
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.517.717.709
4	Phải trả người lao động	65.786.846.007
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	13.331.576.212
6	Phải trả ngắn hạn khác	11.403.606.154
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	338.787.888
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.581.519.416
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	65.052.678.401
	Tổng cộng	264.322.275.599

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ của FOMEKO trong quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đầu tư và triển khai phần mềm quản lý doanh nghiệp, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm chi phí và nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm nội địa; Đẩy mạnh xuất khẩu các phụ tùng xe máy, ô tô và các sản phẩm khác ra thị trường quốc tế như Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc,....

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới, đầu tư hệ thống, dây chuyền tự động hóa vào hoạt động sản xuất để tạo ra các đột phá về hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

- Tăng cường các hoạt động tự động hóa, cải tiến liên tục, phát huy các chương trình TPS, TPM-AM trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a) Về các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Việc tiêu thụ nước, năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả. Thường xuyên nghiên cứu, cải tiến để giảm lượng phát thải khí nhà kính, giảm lượng chất thải... Định kỳ báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu về môi trường theo quy định của pháp luật. Định kỳ thực hiện việc đo kiểm, quan trắc môi trường để có các biện pháp và cải tiến phù hợp.

b) Về người lao động

- Chăm sóc sức khỏe cho người lao động thông qua các chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe cho lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, điều dưỡng, nghỉ mát hàng năm, giúp người lao động có dịp giao lưu, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, giúp tái tạo sức lao động, tăng cường sự đoàn kết.

c) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, tuân thủ quy định của pháp luật.

- Công ty tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng địa phương như: ủng hộ nạn nhân chất độc da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán Ất Ty; ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; Chi tài trợ cơ sở vật chất cho trường mầm non Bãi Bông để trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, góp phần vào việc xây dựng thế hệ tương lai của đất nước và nhiều hoạt động khác.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh của FOMEKO đạt kết quả khả quan, về cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2025.

- Công ty đã ứng dụng khoa học quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm Bravo vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào việc cải tiến phương pháp làm việc, tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực.

- Các Quy chế, quy định đã được rà soát, sửa đổi và hoàn thiện phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của FOMEKO, phục vụ công tác quản trị và điều hành được chặt chẽ, hiệu quả.

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Việc tiêu thụ nước, năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả. Định kỳ báo cáo việc thực hiện các chỉ tiêu về môi trường theo quy định của pháp luật.

- Công ty tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng địa phương như ủng hộ quỹ chăm sóc người cao tuổi, ủng hộ một số hoạt động của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở; ủng hộ cho đồng bào bị ảnh hưởng của cơn bão Yagi; ủng hộ cho một số Trường học trên địa bàn để trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, góp phần vào việc xây dựng thế hệ tương lai của đất nước và nhiều hoạt động khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trước những diễn biến phức tạp của thị trường, Ban Giám đốc đã thực hiện chủ trương của ĐHCĐ, của HĐQT bằng những giải pháp và hành động cụ thể để điều hành sản xuất kinh doanh. Huy động mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ổn định và phát triển thị trường trong và ngoài nước, đưa Công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững.

- Ban Giám đốc đã tổ chức, triển khai và điều hành thực hiện quyết liệt các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, ĐHCĐ và cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu được Hội đồng quản trị, ĐHCĐ giao, cụ thể như sau:

+ Triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT do ĐHCĐ và HĐQT giao: Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHCĐ đề ra; nghiêm túc thực hiện kế hoạch đầu tư, kế hoạch sửa chữa, kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi... đã được phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ theo quý, năm.

+ Thực hiện và triển khai các kiến nghị, khuyến nghị của Đoàn kiểm toán nội bộ VEAM và các kiến nghị của Tổ công tác GSTC VEAM: hoàn thành cơ bản các khuyến nghị của KTNB VEAM và GSTC VEAM; tiếp tục thực hiện với các nội dung chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung 03 quy chế theo đúng thẩm quyền; Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của Giám đốc đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty.

+ Thực hiện tốt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh nợ khó đòi.

+ Tuân thủ việc công bố thông tin và nộp báo cáo theo các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước.

+ Tổ chức triển khai thực hiện tuân thủ các quy định, quy chế được ban hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2026 tiếp tục là một năm rất khó khăn, đặt ra cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty một thách thức mới khi nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều biến động và diễn biến phức tạp. Trước các khó khăn, thách thức đó, HĐQT tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và yêu cầu của Công ty mẹ VEAM về mục tiêu tăng trưởng hai con số;

- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng định hướng phát triển dài hạn giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm rõ mục tiêu và lộ trình thực hiện, tập trung vào các nội dung trọng tâm sau: đẩy mạnh chuyên sâu công nghệ để nâng cao năng lực R&D; nâng cấp vị thế trong chuỗi cung ứng; chuyển dịch từ cung cấp chi tiết rời sang cung cấp cụm, module; tăng cường tự động hóa nhằm duy trì lợi thế chi phí; đa dạng hóa khách hàng và thị trường.

Đồng thời, xác lập tầm nhìn dài hạn hướng tới xây dựng sản phẩm và thương hiệu riêng. Khi hội đủ năng lực kỹ thuật và tiềm lực tài chính, từng bước triển khai sản xuất phụ tùng aftermarket hoặc phát triển một số cụm linh kiện mang thương hiệu của doanh nghiệp, qua đó thực hiện lộ trình chuyển dịch từ mô hình OEM sang OBM – bước đi có mức độ thách thức cao nhưng mang lại giá trị gia tăng và biên lợi nhuận bền vững hơn;

- Tổ chức họp HĐQT định kỳ và bất thường theo quy định;

- Xem xét phê duyệt kế hoạch năm 2026 về sản xuất kinh doanh; đầu tư; sửa chữa tài sản; kế hoạch chi phí; kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi; kế hoạch lao động - tiền lương... ; kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch 2026;

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy chế nội bộ của FOMECO; Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo các mục tiêu kế hoạch được phê duyệt;

- Chỉ đạo việc chuẩn bị và phê duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ. Chuẩn bị các nội dung và tài liệu có liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- Xem xét, có ý kiến về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2025 của FOMECO;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Kiện toàn công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Tiếp tục thực hiện rà soát, sửa đổi quy chế đầu tư, quy chế quản lý tài chính và các quy định quản trị nội bộ của FOMECO; Quán triệt việc tuân thủ các quy chế, quy định, Điều lệ của công ty và quy định của pháp luật;
- Tiếp tục chỉ đạo Giám đốc, Ban điều hành giải quyết các tồn tại trong quá trình giám sát tài chính và các khuyến nghị kiểm toán nội bộ VEAM;
- Chỉ đạo các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	20 %
2	Ông Lê Văn Khanh	Thành viên HĐQT	18,3 %
3	Ông Hoàng Công Toán	Thành viên HĐQT	13,743 %
4	Ông Đàm Duy Đức	Thành viên HĐQT	13 %
5	Ông Vương Quốc Chính	Thành viên HĐQT	6,044%

Những thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2025: Không có

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 phiên họp trực tiếp; tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 76 lượt để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Qua đó ban hành 116 Nghị quyết, 27 Quyết định theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Các thành viên Hội đồng quản trị đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên Hội đồng quản trị đoàn kết, thống nhất cao. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành với tỷ lệ thống nhất 100% các thành viên có quyền biểu quyết đồng ý và không có ý kiến khác.

Các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

- Chủ trì chỉ đạo, tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, sửa chữa TSCĐ, kế hoạch về sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi, tiền lương theo thẩm quyền và thông qua kết quả thực hiện theo quý/năm;

- Thông qua các Quy chế nội bộ của FOMECO;
- Thực hiện kiện toàn nhân sự tại FOMECO thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;
- Chỉ đạo Giám đốc, Ban điều hành thực hiện các công việc khác theo thẩm quyền.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng BKS	0,08%
2	Vũ Ngọc Hùng	Thành viên BKS	0,013%
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS	0,27%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ hoạt động.

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2025, cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2025 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.

+ Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

+ Trong năm 2025, Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

*** Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát: 04**

+ Nội dung cuộc họp lần 1:

Ban Kiểm soát đã họp xem xét, thảo luận và thông qua Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024; đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên; công tác quản trị của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025.

Qua kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam; đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua; công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đã thống nhất thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025.

+ Nội dung cuộc họp lần 2:

Ban Kiểm soát đã họp để xem xét Báo cáo tài chính quý I năm 2025; đánh giá kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quý I năm 2025; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động quý II năm 2025.

Tại cuộc họp, Ban Kiểm soát đã xem xét, thảo luận và thống nhất các nội dung sau: Báo cáo tài chính quý I năm 2025 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, phản ánh tương đối đầy đủ tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo.

Ban Kiểm soát nhận thấy công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ có liên quan.

+ Nội dung cuộc họp lần 3:

Ban Kiểm soát đã họp xem xét Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025; đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2025.

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được thực hiện phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát đã thống nhất kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm với trọng tâm tiếp tục kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, công tác quản trị của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

+ Nội dung cuộc họp lần 4:

Ban Kiểm soát đã họp để xem xét Báo cáo tài chính quý III năm 2025; đánh giá kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quý III năm 2025; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động quý IV năm 2025.

Tại cuộc họp, Ban Kiểm soát đã xem xét, thảo luận và thống nhất các nội dung sau: Báo cáo tài chính quý III năm 2025 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã chủ động trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Công tác quản trị doanh nghiệp cơ bản đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

	Chức vụ	Năm 2025 (đồng)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	310.142.622
Ông Đàm Duy Đức	Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574
Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 24/06/2025)	51.676.000
Ông Lê Văn Khanh	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 24/06/2025)	164.702.574
Ông Hoàng Công Toán	Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574
Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	432.757.148
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	39.669.405
Ông Vũ Ngọc Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	39.669.405
Thu nhập của Ban điều hành		
Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/04/2025)	362.127.828
Ông Lê Văn Khanh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/04/2025)	3.047.162.614
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc	1.831.545.782
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc	1.939.735.069
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	1.795.482.686

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 và đã được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ www.fomeco.vn ngày 10/03/2026.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết Báo cáo tài chính được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- HĐQT (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

102
C
KI
V
TNP

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Minh Phương	Chủ tịch
Ông Lê Văn Khanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Chung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025)
Ông Đàm Đức Duy	Thành viên
Ông Hoàng Công Toán	Thành viên
Ông Vương Quốc Chính	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Khanh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2025)
Ông Đàm Duy Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hà	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Hiền	Trưởng ban
Ông Vũ Ngọc Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Chung	Giám đốc (đến ngày 01 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Văn Khanh	Giám đốc (từ ngày 02 tháng 4 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Số: 035 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
CƠ KHÍ
PHỔ YÊN

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN,
DN: C=VN, L=THÁI NGUYÊN,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ
KHÍ PHỔ YÊN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
1=MST:4600355393,
E=Congbangit@gmail.com
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing location
here
Date: 2026.03.10
14:50:09+07'00'
Foxit PDF Editor Version:
11.2.1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 03 năm 2026, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

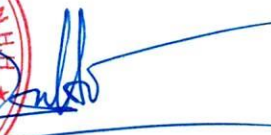
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập số 1902.02-25/BC-TC/VAE ngày 19 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.




Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2026




Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		334.290.139.637	354.290.074.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	60.047.958.656	126.877.980.990
1. Tiền	111		60.047.958.656	86.877.980.990
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.845.592.869	131.146.259.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	110.768.862.681	127.387.150.484
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.336.553.800	3.102.192.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		740.176.388	656.916.375
III. Hàng tồn kho	140	8	137.490.602.248	95.805.682.124
1. Hàng tồn kho	141		144.408.046.182	100.681.516.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.917.443.934)	(4.875.834.205)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.905.985.864	460.152.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	226.429.746	218.780.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.466.576.459	28.392.317
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	212.979.659	212.979.659
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.581.103.237	68.340.017.473
I. Tài sản cố định	220		38.604.308.252	53.530.222.913
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	37.699.784.999	51.925.423.604
- Nguyên giá	222		496.268.312.439	489.615.842.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.568.527.440)	(437.690.418.860)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	904.523.253	1.604.799.309
- Nguyên giá	228		2.268.828.182	2.268.828.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.364.304.929)	(664.028.873)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.394.456.947	480.078.904
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.394.456.947	480.078.904
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	149.822.302
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		149.822.302	149.822.302
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(149.822.302)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.582.338.038	14.179.893.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	13.582.338.038	14.179.893.354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		389.871.242.874	422.630.092.008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		271.182.730.054	306.446.816.066
I. Nợ ngắn hạn	310		264.322.275.599	299.247.573.723
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	98.353.199.962	144.948.579.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.956.343.850	1.916.084.919
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.517.717.709	5.534.130.506
4. Phải trả người lao động	314		65.786.846.007	71.579.735.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.331.576.212	1.579.084.418
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	338.787.888	338.787.888
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.403.606.154	13.912.542.732
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	1.581.519.416	1.414.662.775
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		65.052.678.401	58.023.966.111
II. Nợ dài hạn	330		6.860.454.455	7.199.242.343
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	6.860.454.455	7.199.242.343
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.688.512.820	116.183.275.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	118.688.512.820	116.183.275.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.000.000.000	37.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.000.000.000	37.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.512.124.618	3.512.124.618
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.176.388.202	75.671.151.324
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		78.176.388.202	75.671.151.324
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		389.871.242.874	422.630.092.008



Lê Văn Khanh
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Thắm
 Kế toán trưởng

Lê Ngọc Thanh
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.152.889.645.466	1.117.666.841.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	912.034.260	555.904.572
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.151.977.611.206	1.117.110.936.838
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	929.724.642.003	910.133.255.449
5. Lợi nhuận/ (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		222.252.969.203	206.977.681.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.847.154.694	8.583.606.248
7. Chi phí tài chính	22	27	797.303.876	2.406.130.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	26.515.149.376	24.515.990.108
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	101.515.473.012	93.138.486.670
10. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26}	30		99.272.197.633	95.500.680.668
11. Thu nhập khác	31	29	1.623.276.500	1.851.444.481
12. Chi phí khác	32		171.050.713	2.113.629.403
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.452.225.787	(262.184.922)
14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.724.423.420	95.238.495.746
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	22.548.035.218	19.567.344.422
16. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		78.176.388.202	75.671.151.324
17. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	21.128.75	10.000,00



Lê Văn Khanh
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026


Nguyễn Thị Hồng Thắm
 Kế toán trưởng


Lê Ngọc Thanh
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.161.865.882.135	1.100.278.024.665
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(846.359.381.122)	(766.512.817.711)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(220.812.555.869)	(218.075.348.076)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(21.136.727.157)	(20.099.809.599)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	408.166.233	24.447.528.993
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(85.569.528.764)	(59.701.161.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.604.144.544)	60.336.416.853
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.430.457.099)	(3.330.719.715)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.000.000.000)	(30.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.000.000.000	60.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.429.355.516	2.788.698.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.001.101.583)	29.457.978.727
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.179.320.000)	(73.433.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.179.320.000)	(73.433.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(66.784.566.127)	16.360.595.580
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	126.877.980.990	110.178.057.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.456.207)	339.327.850
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	60.047.958.656	126.877.980.990



Lê Văn Khanh
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Thắm
 Kế toán trưởng

Lê Ngọc Thanh
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 570/CL-CB1 ngày 19 tháng 10 năm 1974 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim và được thành lập lại theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12 tháng 12 năm 2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1703000098 ngày 07 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 37.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là FBC.

Trụ sở Công ty: Tổ dân phố Bông Hồng, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 924 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 989 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại - không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đơn vị phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 19 Đường 36, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (dưới 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian gian sử dụng ước tính của tài sản cố định hàng năm như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm:

Chi phí tiền thuê đất: Chi phí tiền thuê đất trả tiền một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 370 tháng.*Chi phí bảo hiểm:* Trả trước chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.*Chi phí sửa chữa tài sản cố định:* Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ kể từ ngày hoàn thành, nghiệm thu, quyết toán công trình sửa chữa, cài tạo và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong năm.*Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ:* Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa:

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê tài sản, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

Nguồn vốn

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊNTổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Cô Loa	Cùng Công ty mẹ
Công ty HONDA Việt Nam	Công ty liên doanh với Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	173.564.500	507.120.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.874.394.156	86.370.860.990
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
Cộng	60.047.958.656	126.877.980.990

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng không là bên liên quan	79.293.034.675	90.954.979.399
Hanwa Co., Ltd Japan	2.706.091.242	9.165.625.513
Công ty TNHH Brothers Techno	1.701.320.556	17.192.413.922
Các đối tượng khác	74.885.622.877	64.596.939.964
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan	31.475.828.006	36.432.171.085
Công ty Honda Việt Nam	31.475.828.006	36.432.171.085
Cộng	110.768.862.681	127.387.150.484

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Eastern Fortune International Co., Limited	6.176.264.187	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Á Châu	4.253.472.000	-
Các đối tượng khác	7.906.817.613	3.102.192.406
Cộng	18.336.553.800	3.102.192.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (i)	Giá gốc	Dự phòng (i)
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	35.098.518	-	22.750.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.732.164.446	(4.178.197.174)	48.205.702.131	(2.846.321.942)
Công cụ, dụng cụ	585.515.033	-	456.374.886	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.826.730.272	-	20.749.394.577	-
Thành phẩm	30.478.597.199	(2.739.246.760)	23.638.871.752	(2.029.512.263)
Hàng gửi đi bán	12.749.940.714	-	7.608.422.983	-
Cộng	144.408.046.182	(6.917.443.934)	100.681.516.329	(4.875.834.205)

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.041.609.729 VND (năm 2024 trích lập 2.605.616.473 VND, hoàn nhập 29.128.574 VND). Ban Giám đốc đánh giá rằng giá trị của các mặt hàng tồn kho này là không thể thu hồi và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bổ sung trong năm.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	226.429.746	218.780.180
Chi phí bảo hiểm	-	214.092.497
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	226.429.746	4.687.683
Dài hạn	13.582.338.038	14.179.893.354
Tiền thuê đất	7.304.217.603	7.649.298.747
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.021.559.236	6.468.759.078
Chi phí phần mềm	-	44.155.208
Phí bảo lãnh hợp đồng điện	7.249.607	9.762.983
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.249.311.592	7.917.338
Cộng	13.808.767.784	14.398.673.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	82.150.144.507	380.229.641.025	24.104.025.466	1.988.552.666	1.143.478.800	489.615.842.464
Xây dựng cơ bản dở dang	893.469.612	515.892.238	-	-	-	1.409.361.850
Tặng do mua sắm	-	3.051.851.852	2.191.256.273	-	-	5.243.108.125
Số dư cuối năm	83.043.614.119	383.797.385.115	26.295.281.739	1.988.552.666	1.143.478.800	496.268.312.439
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	59.533.941.047	352.763.752.614	22.478.692.165	1.770.554.234	1.143.478.800	437.690.418.860
Khấu hao trong năm	3.571.012.868	15.733.593.292	1.366.633.640	206.868.780	-	20.878.108.580
Số dư cuối năm	63.104.953.915	368.497.345.906	23.845.325.805	1.977.423.014	1.143.478.800	458.568.527.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	22.616.203.460	27.465.888.411	1.625.333.301	217.998.432	-	51.925.423.604
Số dư cuối năm	19.938.660.204	15.300.039.209	2.449.955.934	11.129.652	-	37.699.784.999

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 391.746.051.875 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 381.348.250.558 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	2.268.828.182	2.268.828.182
Tăng do mua sắm	-	-
Số dư cuối năm	2.268.828.182	2.268.828.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	664.028.873	664.028.873
Khấu hao trong năm	700.276.056	700.276.056
Số dư cuối năm	1.364.304.929	1.364.304.929
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	1.604.799.309	1.604.799.309
Số dư cuối năm	904.523.253	904.523.253

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 168.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 168.000.000 VND)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	443.041.867	480.078.904
Mái che khung thép lợp tôn đường đi bộ	100.109.602	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	249.582.384	-
Mua sắm tài sản cố định	2.601.723.094	-
Cộng	3.394.456.947	480.078.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND
			Dự phòng	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)
Cộng	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn không là bên liên quan	97.648.272.571	97.648.272.571	141.866.787.119	141.866.787.119
Công ty Cổ phần Thương mại, Tư vấn và Xây dựng Đức Minh	9.723.876.051	9.723.876.051	9.049.838.483	9.049.838.483
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lập Phương	7.101.058.001	7.101.058.001	5.877.143.800	5.877.143.800
Công ty Cổ phần FORGING	5.097.265.811	5.097.265.811	9.890.509.773	9.890.509.773
Công ty TNHH Ống thép đặc biệt ASMC Việt Nam	3.597.842.101	3.597.842.101	2.249.955.052	2.249.955.052
Các đối tượng khác	72.128.230.607	72.128.230.607	114.799.340.011	114.799.340.011
b) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	704.927.391	704.927.391	3.081.791.922	3.081.791.922
Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	373.620.500	373.620.500	2.588.000.822	2.588.000.822
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	331.306.891	331.306.891	493.791.100	493.791.100
Cộng	98.353.199.962	98.353.199.962	144.948.579.041	144.948.579.041

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
VINA-TECH CO., LTD	1.935.531.980	-
Dragon Right Co., Ltd	221.578.508	1.570.787.567
Các đối tượng khác	799.233.362	345.297.352
Cộng	2.956.343.850	1.916.084.919

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.497.569.445	7.497.569.445	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.206.340.226	1.206.340.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.483.178.820	22.548.035.218	21.136.727.157	4.894.486.881
Thuế thu nhập cá nhân	2.047.795.118	10.442.949.899	11.867.514.189	623.230.828
Thuế tài nguyên	-	3.847.040	3.847.040	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	483.627.071	483.627.071	-
Các loại thuế khác	3.156.568	17.016.584	20.173.152	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	263.199.748	263.199.748	-
Cộng	5.534.130.506	42.462.585.231	42.478.998.028	5.517.717.709
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	212.979.659	-	-	212.979.659
Cộng	212.979.659	-	-	212.979.659

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền trang phục chi bằng tiền cho người lao động	11.851.000.000	-
Chi phí suất ăn công nghiệp	669.988.000	574.079.000
Chi phí công tác	283.214.495	36.700.000
Chi phí xuất/nhập khẩu	240.976.884	237.026.918
Chi phí phải trả khác	286.396.833	731.278.500
Cộng	13.331.576.212	1.579.084.418

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	2.043.252.944
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.400.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	11.293.205.994	11.869.289.788
- <i>Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản còn lại trên đất</i>	3.176.283.547	3.176.283.547
- <i>Công ty Nichipure</i>	2.457.372.273	2.457.372.273
- <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	3.238.085.811	423.986.512
- <i>Cổ tức phải trả</i>	767.600.000	1.133.920.000
- <i>Quỹ xã hội</i>	753.690.894	791.241.954
- <i>Đoàn phí công đoàn</i>	58.161.000	2.420.897.940
- <i>Tiền ăn ca</i>	30.795.000	24.011.000
- <i>Các đối tượng khác</i>	811.217.469	1.441.576.562
Cộng	11.403.606.154	13.912.542.732

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.581.519.416	1.414.662.775
Số dư cuối kỳ	1.581.519.416	1.414.662.775

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	338.787.888	338.787.888
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	338.787.888	338.787.888
Dài hạn	6.860.454.455	7.199.242.343
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	6.860.454.455	7.199.242.343
Cộng	7.199.242.343	7.538.030.231

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊNTổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	37.000.000.000	3.512.124.618	109.680.917.172	150.193.041.790
Lãi trong năm	-	-	75.671.151.324	75.671.151.324
Chia cổ tức	-	-	(74.000.000.000)	(74.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(35.680.917.172)	(35.680.917.172)
Số dư đầu năm nay	37.000.000.000	3.512.124.618	75.671.151.324	116.183.275.942
Lãi trong năm	-	-	78.176.388.202	78.176.388.202
Chia cổ tức (i)	-	-	(37.000.000.000)	(37.000.000.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(38.671.151.324)	(38.671.151.324)
Số dư cuối năm nay	37.000.000.000	3.512.124.618	78.176.388.202	118.688.512.820

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 tại Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị như sau: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 37.625.740.324 VND; Trích Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành là 1.045.411.000 VND; Chia cổ tức là 37.000.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ theo phương án đã phê duyệt và đã chi trả cổ tức bằng tiền là 36.678.900.000 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp, vốn điều lệ của Công ty là 37.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	18.870.000.000	18.870.000.000
Các đối tượng khác	18.130.000.000	18.130.000.000
	37.000.000.000	37.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Euro (AUD)	678,26	676,23
Đô la Mỹ (USD)	2.076.346,68	504.566,35
Yên Nhật (JPY)	191,00	191,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Nợ phải thu khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trung tâm thiết kế chế tạo và chuyển giao công nghệ	93.258.500	93.258.500
Công ty CP Phát triển công nghệ Việt Mỹ	11.000.541	11.000.541
Công ty TNHH Anh Thu	45.250.280	45.250.280
Trương Công Hùng - DNTN Xuân Hoàng Hà	87.000.014	87.000.014
Công ty TNHH Thực nghiệp Kim Quốc Lâm Việt Nam	2.772.000	2.772.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại quốc tế ICT	19.821.968	19.821.968
Viện nghiên cứu cơ khí	143.053.902	143.053.902
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	23.075.055	23.075.055
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Thành	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu phụ tùng 1	531.207.159	531.207.159
Lê Minh Khoa	135.322.140	135.322.140
Phạm Trường Thành	4.447.310.534	4.447.310.534
Công ty TNHH XNK Wuxi Jinshui	71.926.700	71.926.700
Công ty CP Cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành	40.000.000	40.000.000
Jiangyin Xing Cheng Special Steel Works Co., Ltd	1.451.484	1.451.484
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Phát 99	693.660	693.660
Phải thu khác - Bảo hiểm thân thể	850.000	850.000
	<u>5.663.993.937</u>	<u>5.663.993.937</u>

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	90.617.710.180	120.323.095.315
Doanh thu bán thành phẩm	1.043.161.490.155	987.909.517.336
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.404.401.202	6.096.326.141
Doanh thu khác	14.706.043.929	3.337.902.618
Cộng	<u>1.152.889.645.466</u>	<u>1.117.666.841.410</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	912.034.260	555.904.572
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	725.465.605	548.271.618
- Hàng bán bị trả lại	186.568.655	7.632.954
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.151.977.611.206</u>	<u>1.117.110.936.838</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	79.612.269.028	101.361.507.793
Giá vốn bán thành phẩm	846.241.653.524	802.148.737.238
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.829.109.722	4.046.522.519
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.041.609.729	2.605.616.473
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(29.128.574)
Cộng	<u>929.724.642.003</u>	<u>910.133.255.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.977.266.938	534.070.184.856
Chi phí nhân viên	245.358.456.154	236.909.252.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.986.766.288	27.618.305.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.805.464.182	98.462.209.231
Chi phí bằng tiền khác	48.808.809.843	43.095.632.145
Cộng	972.936.763.405	940.155.583.726

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.375.108.941	2.249.722.795
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.382.393.892	5.686.722.080
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.095.640	537.375.151
Chiết khấu thanh toán	76.556.221	109.786.222
Cộng	5.847.154.694	8.583.606.248

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	647.481.574	2.406.130.191
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	149.822.302	-
Cộng	797.303.876	2.406.130.191

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	11.609.803.579	10.693.167.550
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.683.358.168	2.072.362.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.311.800	554.588.528
Chi phí bảo hành sản phẩm	166.856.641	544.777.910
Chi phí bán hàng khác	12.578.819.188	10.651.093.289
Cộng	26.515.149.376	24.515.990.108
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	56.792.798.500	56.538.571.537
Chi phí vật liệu quản lý	3.033.801.271	1.192.749.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.525.028.827	1.502.694.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.440.079.585	5.694.169.313
Thuế, phí và lệ phí	610.010.135	1.263.585.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.616.642.675	1.745.322.379
Chi phí bằng tiền khác	31.497.112.019	25.201.393.528
Cộng	101.515.473.012	93.138.486.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bồi hoàn hàng lỗi, phế phẩm do nhà cung cấp	1.186.657.378	1.019.231.917
Thu nhập khác	436.619.122	832.212.564
Cộng	1.623.276.500	1.851.444.481

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	100.724.423.420	95.238.495.746
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.621.208.952	2.421.866.362
Cộng:	9.635.636.250	3.019.249.043
- Chi phí không được trừ	8.472.399.573	2.837.703.446
- Các khoản điều chỉnh khác	565.853.996	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	597.382.681	181.545.597
Trừ:	14.427.298	597.382.681
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	14.427.298	597.382.681
Thu nhập chịu thuế	110.345.632.372	97.660.362.108
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	478.908.744	35.272.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.548.035.218	19.567.344.422

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ nêu trên, Công ty đang xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế (ngoài giá trị điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế như trên). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	78.176.388.202	75.671.151.324
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(38.671.151.324)
Lợi nhuận/ (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	78.176.388.202	37.000.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.700.000	3.700.000
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	21.128,75	10.000,00
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025. Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành năm 2024 với số tiền là 38.671.151.324 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại, số trước trình bày lại là 10.411 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại thuyết minh số 06 và số 14, trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng	28.073.351.705	27.386.142.445
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	5.344.779.505
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	16.090.673.405	5.147.277.100
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	970.000.000	970.000.000
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	2.271.340.000	2.356.100.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	8.741.338.300	13.567.985.840
Bán hàng	336.980.127.140	341.785.103.100
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	8.174.751.417	3.101.091.000
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	58.177.020	54.519.010
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	67.922.466	18.354.602
Công ty HONDA Việt Nam	328.679.276.237	338.611.138.488

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm tài chính như sau:

<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Bà Lê Minh Phương Chủ tịch Hội đồng Quản trị	310.142.622	259.654.400
Ông Đàm Duy Đức Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574	181.154.200
Ông Nguyễn Đức Chung Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 24/06/2025)	51.676.000	181.154.200
Ông Lê Văn Khanh Thành viên Hội đồng Quản trị (bỏ nhiệm ngày 24/06/2025)	164.702.574	-
Ông Hoàng Công Toán Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574	181.154.200
Ông Vương Quốc Chính Thành viên Hội đồng Quản trị	216.378.574	181.154.200
Bà Lê Thị Thanh Hiền Trưởng Ban Kiểm soát	432.757.148	362.308.500
Bà Nguyễn Thị Phương Thành viên Ban Kiểm soát	39.669.405	33.211.600
Ông Vũ Ngọc Hùng Thành viên Ban Kiểm soát	39.669.405	33.211.600
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các thành viên quản lý khác		
Ông Hoàng Công Toán Thành viên Hội đồng Quản trị	289.673.000	-
Ông Vương Quốc Chính Thành viên Hội đồng Quản trị	232.042.000	233.188.000
Ông Nguyễn Đức Chung Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/04/2025)	362.127.828	2.431.889.661
Ông Lê Văn Khanh Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 02/04/2025)	3.047.162.614	1.646.888.004
Ông Nguyễn Thanh Hà Phó Giám đốc	1.831.545.782	982.355.900
Ông Đàm Duy Đức Phó Giám đốc	1.939.735.069	1.526.118.600
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm Kế toán trưởng	1.795.482.686	1.495.626.200
Bà Nguyễn Thị Út Thư ký Công ty/Phụ trách quản trị Công ty	534.564.000	362.663.000
Ông Vũ Ngọc Hùng Thành viên Ban Kiểm soát	540.327.000	496.990.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán năm trước được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo tại 31/12/2024	Trình bày lại	Số sau trình bày lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Bảng cân đối kế toán				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	338.787.888	338.787.888	(i)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.538.030.231	(338.787.888)	7.199.242.343	(i)

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền cho thuê lại đất nhận trước cho nhiều kỳ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày vào chỉ tiêu doanh thu chưa thực hiện dài hạn, số tiền là 7.538.030.231 VND, bao gồm 338.787.888 VND là số tiền đến kỳ ghi nhận doanh thu trong năm 2025. Vì vậy, khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn được trình bày lại với số tiền là 7.199.242.343 VND, tương ứng khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn được trình bày lại với số tiền là 338.787.888 VND.



Lê Văn Khanh
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Lê Ngọc Thanh
Người lập biểu